

Phụ lục V
DIỆN TÍCH CÁC KHU VỰC SỬ DỤNG ĐẤT CẦN QUẢN LÝ NGHIÊM NGẶT
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất *	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính						
				Xã Cuôr Knia	Xã Ea Bar	Xã Ea Huar	Xã Ea Nuôl	Xã Ea Wer	Xã Krông Na	Xã Tân Hòa
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)+(7)+...	(5)						
1	Đất trồng lúa	LUA	2.361,86	379,27	580,20	234,75	223,38	332,70	279,05	332,51
2	Đất rừng đặc dụng	RDD	94.455,00	-	-	-	-	-	94.455,00	-
3	Đất rừng phòng hộ	RPH	4.258,59	-	-	-	-	-	4.258,59	-
4	Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	6.739,43	-	-	161,54	17,18	26,80	6.510,92	22,99